

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 509/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Việt Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 594/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 612/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Dương Văn B, sinh năm: 1981; cư trú: tổ 5, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1982; cư trú: tổ 12, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông B có mặt, bà P vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo ông Dương Văn B trình bày: Ông và bà P là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2008. Sau khi kết hôn về chung sống tại nhà

ông B, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn như trước. Khoảng cuối năm 2016 bà P bỏ đi từ đó đến nay nhiều lần ông và gia đình hàn gắn nhưng bà không đồng ý chung sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Dũy K, sinh ngày 15/02/2005, hiện do ông B nuôi dạy. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho bà Nguyễn Thị P theo quy định nhưng bà P không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông B – bà P để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú thì xác định bà P hiện nay không có mặt ở nhà do đi làm ăn nhưng hộ khẩu bà vẫn còn ở ấp P, chưa thực hiện việc tách chuyển đi nơi khác.

Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2020 bà Trương Thị T – là mẹ ruột của bà P cho biết: Trong quá trình chung sống ông B và bà P phát sinh nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc ông P không chí thú làm ăn nhậu nhẹt dẫn đến tai nạn, bà P đứng ra lo liệu chăm sóc ông nhưng đến khi hồi phục thì ông không thay đổi

Tại phiên tòa, ông B bảo lưu ý kiến. Cháu K trình bày có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông B.

Riêng bà P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào

thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông Dương Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị P. Đồng thời, bà P cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông B, bà P là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2008 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông B xin ly hôn với bà P, Hội đồng xét xử xét thấy ông B và bà P đã không chung sống với nhau từ cuối năm 2016 đến nay, bản thân ông B thừa nhận nhiều lần hàn gắn nhưng bà P không chấp nhận, nhận thấy không có khả năng quay về chung sống nên ông ly hôn. Nguyên nhân ông trình bày là bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn như trước. Khoảng cuối năm 2016 bà P bỏ đi, gia đình hàn gắn nhưng bà không đồng ý chung sống với ông B. Lời trình bày của ông B phù hợp với nội dung xác minh bà Trương Thị T cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông B là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông B trình bày có 01 con chung tên Dương Dũy K, sinh ngày 15/02/2005, lời khai trên phù hợp với bản trích lục giấy khai sinh số 413 ngày 30/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã V, hiện 01 con chung do ông B nuôi dạy. Ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Kg do ông B nuôi dạy. Cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông B. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận để cho ông B nuôi dạy con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông B không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông B.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông B cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà P không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn B.

1. Về hôn nhân: Ông Dương Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 248 ngày 30/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A mang tên ông Dương Văn B và bà Nguyễn Thị P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Dương Văn B được tiếp tục nuôi cháu Dương Dũng K, sinh ngày 15/02/2005. Công nhận tự nguyện của ông B không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Ông B cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Dương Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004827 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (ông B nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/12/2020), ông B được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà P được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Việt Quốc**